

Số: 73 /VTQ

Quảng Bình, ngày 31 tháng 3 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Việt Trung Quảng Bình thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) kiểm toán năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Việt Trung Quảng Bình

- Mã chứng khoán: VTQ

- Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam

- Điện thoại liên hệ: 0232.3796003

- Website: <http://www.viettrungqb.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC kiểm toán năm 2024

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày: 31/3/2025 tại đường dẫn: <http://www.viettrungqb.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin đã công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:
BCTC kiểm toán năm 2024.


CHỦ TỊCH HĐQT
Phan Văn Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	10 - 32

10/11
THA

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp này gồm:

<u>Hội đồng Quản trị</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phan Văn Thành	Chủ tịch
Ông Dương Chí Bình	Thành viên
Ông Phạm Xuân Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Hải Thanh	Thành viên
Ông Phan Hữu Bằng	Thành viên
Ông Lê Vũ Thành	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Hoàng Thị Thu Hương	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên
Ông Trần Duy Hà	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Dương Chí Bình	Giám đốc
Ông Phạm Xuân Thành	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Thanh	Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Phan Văn Thành - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH

Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,



[Handwritten signature]

Phan Văn Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 30 tháng 03 năm 2025

[Handwritten signature]

7
NG
NI
M
Đ
A

Số: 033002/2025/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình (Sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 30 tháng 03 năm 2025 từ trang 6 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề nhân mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số II - Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp và năm tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nợ ngắn hạn đã vượt quá Tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền là 34.566.641.101 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 47.119.868.938 đồng). Lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2024 là 51.434.030.126 đồng (lũy kế đến ngày 01/01/2024 là 55.401.699.363 đồng). Điều này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào khả năng Công ty sắp xếp được dòng tiền và kinh doanh có lợi nhuận trong tương lai cũng như việc được tái cơ cấu các khoản nợ vay ngân hàng.

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số VII.5 của bảng Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp. Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố những sai sót về hạch toán kế toán vào số liệu so sánh đầu kỳ do trong năm 2023 Công ty đang ghi nhận vào chỉ tiêu Chi phí xây dựng cơ bản dở dang một khoản chi phí có giá trị 1.882.298.224 đồng thay vì phải ghi nhận chỉ tiêu Chi phí quản lý doanh nghiệp một số tiền tương ứng trong năm 2023.

Việc kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Lê Quốc Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3384-2025-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2025

A handwritten signature in blue ink.

Dư Thị Kiều Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 5193-2025-072-1

100
100

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		35.371.642.036	21.369.717.715
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.286.019.414	3.736.799.649
1. Tiền	111	V.1	6.286.019.414	3.736.799.649
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.423.271.688	4.276.009.997
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	V.3	14.951.881.292	13.465.577.568
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		479.013.714	243.073.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	11.741.148.278	2.368.663.475
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(11.748.771.596)	(11.801.304.046)
III. Hàng tồn kho	140	V.6	13.607.704.162	13.271.030.741
1. Hàng tồn kho	141		13.637.223.384	13.301.260.852
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(29.519.222)	(30.230.111)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		54.646.772	85.877.328
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11a	54.646.772	85.877.328
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		162.567.932.740	171.517.040.767
I. Tài sản cố định	220		117.445.332.533	118.057.769.007
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	117.445.332.533	118.057.769.007
- Nguyên giá	222		247.197.896.092	239.966.861.932
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(129.752.563.559)	(121.909.092.925)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		25.315.470.616	24.387.371.108
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	25.315.470.616	24.387.371.108
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		18.998.319.496	28.095.490.316
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.9	81.840.000.000	81.840.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.9	(63.841.680.504)	(54.744.509.684)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	255	V.2	1.000.000.000	1.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		808.810.095	976.410.336
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		808.810.095	976.410.336
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		197.939.574.776	192.886.758.482

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		70.424.224.137	69.339.077.080
I. Nợ ngắn hạn	310		69.938.283.137	68.489.586.653
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	14.643.156.432	4.805.898.096
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		237.278.400	479.237.100
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11b	405.339.868	344.946.691
4. Phải trả người lao động	314		8.037.497.235	6.950.482.665
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		149.640.115	194.339.385
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		161.223.103	160.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	2.889.306.766	2.696.902.265
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	39.227.945.611	47.757.153.363
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.186.895.607	5.100.627.088
II. Nợ dài hạn	330		485.941.000	849.490.427
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	292.000.000	292.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	193.941.000	557.490.427
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		127.515.350.639	123.547.681.402
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	126.835.350.639	122.867.681.402
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		170.817.910.000	170.817.910.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		170.817.910.000	170.817.910.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.451.470.765	7.451.470.765
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(51.434.030.126)	(55.401.699.363)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(55.401.699.363)	(12.091.052.856)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.967.669.237	(43.310.646.507)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		680.000.000	680.000.000
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		680.000.000	680.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		197.939.574.776	192.886.758.482



Phan Hữu Bằng
 Người lập biểu



Phan Hữu Bằng
 Kế toán trưởng



Phan Văn Thành
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Ngày 30 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		121.995.391.855	62.630.909.287
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	133.331.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	121.995.391.855	62.497.578.287
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	95.193.847.739	50.468.217.836
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.801.544.116	12.029.360.451
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	75.364.065	53.006.170
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12.709.095.178	43.962.251.562
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.611.924.358	4.579.294.008
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	294.636.000	154.040.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	10.469.732.008	13.185.810.666
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.403.444.995	(45.219.735.607)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	585.571.050	2.282.214.275
12. Chi phí khác	32	VI.8	21.346.808	373.125.175
13. Lợi nhuận khác	40		564.224.242	1.909.089.100
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.967.669.237	(43.310.646.507)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.967.669.237	(43.310.646.507)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	232	(2.535)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	232	(2.535)

M.S.D.

Phan Hữu Bằng
 Người lập biểu

Phan Hữu Bằng
 Kế toán trưởng



Phan Văn Thành
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Ngày 30 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.967.669.237	(43.310.646.507)
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	8.137.149.492	6.387.116.322
Các khoản dự phòng	03	9.043.927.481	42.529.367.672
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(103.379.604)	174.283.119
Chi phí lãi vay	06	3.611.924.358	4.579.294.008
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLĐ	08	24.657.290.964	10.359.414.614
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(11.059.361.769)	2.521.089.568
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(336.673.421)	527.368.814
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	11.512.877.114	(8.305.117.675)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	167.600.241	555.637.609
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.656.623.628)	(4.604.049.028)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	21.285.109.501	1.054.343.902
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(9.947.478.003)	(3.078.543.361)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	32.407.408	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	71.938.038	52.104.931
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.843.132.557)	(3.026.438.430)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	58.139.609.598	80.293.945.571
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(67.032.366.777)	(81.916.091.679)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.892.757.179)	(1.622.146.108)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2.549.219.765	(3.594.240.636)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.736.799.649	7.331.040.285
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	6.286.019.414	3.736.799.649



Phan Hữu Bằng
 Người lập biểu



Phan Hữu Bằng
 Kế toán trưởng



Phan Văn Thành
 Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 Ngày 30 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính tổng hợp đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nợ ngắn hạn đã vượt quá Tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền là 34.566.641.101 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 47.119.868.938 đồng). Trong năm 2024, Công ty có lãi là 3.967.669.237 đồng và giảm lỗ lũy kế, dẫn đến lỗ lũy kế của Công ty đến thời điểm 31/12/2024 là 51.434.030.126 đồng (lỗ lũy kế ngày 01/01/2024 là 55.401.699.363 đồng). Điều này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên việc trong năm 2024 có lãi là 3.967.669.237 đồng, cho thấy Công ty đang có những bước tiến khởi sắc hơn từ các phương án kinh doanh hiệu quả. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã và đang thường xuyên đánh giá ảnh hưởng và quyết liệt triển khai các kế hoạch để Công ty có thể duy trì tối đa khả năng hoạt động liên tục. Cụ thể:

- + Sắp xếp nhân sự các phòng ban bộ phận quản lý tăng năng suất lao động và tiết kiệm chi phí.
- + Nâng cao sản lượng khai thác mỏ cao su.
- + Đầu tư cây cao su trồng mới
- + Mở rộng thị trường, đa dạng hóa các sản phẩm sản xuất từ gỗ tại nhà máy gỗ Phú Quý.
- + Tiếp tục duy trì và mở rộng hoạt động hợp tác kinh doanh với các cá nhân, tổ chức có nhu cầu trồng xen canh các loại cây ngắn ngày tại các địa điểm cây cao su già hết sản lượng khai thác đã thanh lý chưa trồng mới.
- +

Ban Giám đốc đã lập kế hoạch dòng tiền và kế hoạch lợi nhuận trong 12 tháng tiếp theo dự kiến sẽ được tạo ra từ hoạt động kinh doanh. Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, lợi nhuận và dòng tiền kế hoạch của Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo. Thêm vào đó, Công ty không có các khoản vay ngắn hạn bị quá hạn thanh toán. Dựa trên các cơ sở này, Ban Giám đốc của Công ty cho rằng việc lập báo cáo tài chính của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được công ty áp dụng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20 năm
Máy móc và thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	06 - 20 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05 năm

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật) (chỉ để cập nhật với công ty nhà nước).

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	1.285.581.376	1.444.847.250
Tiền gửi ngân hàng	5.000.438.038	2.291.952.399
Cộng	6.286.019.414	3.736.799.649

2. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trái phiếu	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	1.000.000.000	1.000.000.000

Khoản đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Số lượng 10.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu. Kỳ hạn của trái phiếu là 10 năm với lãi suất thả nổi hoặc bằng lãi suất tham chiếu + Biên độ 1,3%/năm. Ngày phát hành và ngày đáo hạn của trái phiếu lần lượt là ngày 30/10/2023 và ngày 30/10/2033.

3. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần TAMICO	9.442.985.568	9.550.985.568
Công ty TNHH Tiến Phong Cam Lộ	1.651.595.083	701.244.672
Công ty Cổ phần HD Furniture Group	1.053.983.680	778.766.518
Phải thu ngắn hạn khách hàng khác	2.803.316.961	2.434.580.810
Cộng	14.951.881.292	13.465.577.568
Trong đó phải thu khách hàng là bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh VII.2 - Bên liên quan)	9.442.985.568	9.550.985.568

4. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	8.133.692.961	155.989.637
Phải thu khác	3.607.455.317	2.212.673.838
<i>Trong đó:</i>		
Công ty TNHH Hiếu Đại Phát (Dự án xay dăm) (*)	1.047.142.842	-
Phải thu từ các cá nhân trồng sắn	1.052.100.000	1.307.900.744
Phải thu khác	1.508.212.475	904.773.094
Cộng	11.741.148.278	2.368.663.475

(*) Phải thu khác Công ty TNHH Hiếu Đại Phát là khoản phải thu chi phí về hợp tác đầu tư mở rộng sản xuất ngành gỗ (gỗ dăm) tại Phân xưởng nguyên liệu - Chi nhánh gỗ Phú Quý thuộc Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD/VT-HĐP ngày 20 tháng 05 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

5. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	9.962.568.366	71.501.898	9.891.066.468	9.922.291.568	50.337.000	9.871.954.568
Công ty Cổ phần TAMICO	9.442.985.568	-	9.442.985.568	9.550.985.568	-	9.550.985.568
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Tuê Lâm	104.971.000	-	104.971.000	104.971.000	-	104.971.000
Công ty TNHH MTV Quốc Tế Cao Nguyên	115.015.000	-	115.015.000	115.015.000	-	115.015.000
Ủy ban xã Vạn Trạch	60.500.000	-	60.500.000	60.500.000	-	60.500.000
Đối tượng khác	239.096.798	71.501.898	167.594.900	90.820.000	50.337.000	40.483.000
Phải thu ngắn hạn khác	1.857.705.128	-	1.857.705.128	1.938.273.312	8.923.834	1.929.349.478
Bà Nguyễn Thị Phương	65.969.581	-	65.969.581	65.969.581	-	65.969.581
Bà Phan Thị Vân	60.877.129	-	60.877.129	60.877.129	-	60.877.129
Đối tượng khác	1.730.858.418	-	1.730.858.418	1.811.426.602	8.923.834	1.802.502.768
Cộng	11.820.273.494	71.501.898	11.748.771.596	11.860.564.880	59.260.834	11.801.304.046

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	944.651.325	-	1.887.116.813	-
Công cụ, dụng cụ	137.939.490	-	355.888.613	-
Chi phí SXKD dở dang	11.253.831.115	-	9.688.737.721	-
Thành phẩm	1.280.928.122	(14.829.222)	1.353.818.615	(15.540.111)
Hàng hóa	19.873.332	(14.690.000)	15.699.090	(14.690.000)
Cộng	13.637.223.384	(29.519.222)	13.301.260.852	(30.230.111)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH
 Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung,
 huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

Mẫu số B 09-DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cây lâu năm súc vật làm việc cho sản phẩm	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ							
Số đầu năm	105.922.994.035	20.488.051.733	5.167.481.782	1.807.652.327	103.871.647.666	2.709.034.389	239.966.861.932
Mua trong năm	1.308.287.285	919.838.000	361.111.111	-	-	-	2.589.236.396
Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	4.939.868.491	-	4.939.868.491
Thanh lý, nhượng bán	(298.070.727)	-	-	-	-	-	(298.070.727)
Số cuối năm	106.933.210.593	21.407.889.733	5.528.592.893	1.807.652.327	108.811.516.157	2.709.034.389	247.197.896.092
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ							
Số đầu năm	76.439.942.213	17.121.659.520	5.061.951.439	1.711.539.599	20.822.964.250	751.035.904	121.909.092.925
Khấu hao trong năm	1.966.080.887	713.644.604	65.063.536	30.960.148	5.204.914.410	156.485.907	8.137.149.492
Thanh lý, nhượng bán	(293.678.858)	-	-	-	-	-	(293.678.858)
Số cuối năm	78.112.344.242	17.835.304.124	5.127.014.975	1.742.499.747	26.027.878.660	907.521.811	129.752.563.559
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Số đầu năm	29.483.051.822	3.366.392.213	105.530.343	96.112.728	83.048.683.416	1.957.998.485	118.057.769.007
Số cuối năm	28.820.866.351	3.572.585.609	401.577.918	65.152.580	82.783.637.497	1.801.512.578	117.445.332.533

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 54.562.787.098 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 52.353.468.538 đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay là 39.428.404.292 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 41.243.423.719 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cao su trồng năm 2016	1.606.200.738	3.812.343.795
Cao su trồng năm 2018	6.626.997.645	6.120.812.018
Cao su trồng năm 2022	9.410.233.434	7.613.826.812
Cao su trồng năm 2023	2.756.645.376	431.793.415
Cây xoài keo trồng năm 2021	1.670.935.777	1.554.557.382
Khác	3.244.457.646	4.854.037.686
Cộng	25.315.470.616	24.387.371.108

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình theo hợp đồng góp vốn ngày 12/01/2016 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và Công ty TNHH MTV Việt Trung. Công ty thực hiện góp vốn bằng tài sản trên diện tích đất 614,44 ha tại các tiểu khu Hữu Nghị, Truyền Thống, Dũng Cầm, Sao Vàng có giá trị 81.840.000.000 đồng (Tám mươi một tỷ, tám trăm bốn mươi triệu đồng chẵn). Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình được thành lập và hoạt động tại huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên do Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Bình cấp ngày 20 tháng 1 năm 2016, ngành nghề kinh doanh chính là chăn nuôi. Tại ngày 01/01/2024 và 31/12/2024, tỷ lệ sở hữu của Công ty đều là 27,28%, tỷ lệ kiểm soát đều là 27,28%.

Tại ngày 31/12/2024, Công ty trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình với số tiền là 63.841.680.504 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 54.744.509.684 đồng).

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày kết thúc niên độ kế toán để thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ông Đặng Hồng Ninh	8.912.414.038	-
Công ty Cổ phần Tổng công ty Sông Gianh	2.000.000.000	1.121.744.400
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận Tải Hoàng Huấn	749.915.600	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Hiệp Nghĩa	634.497.030	637.658.530
Phải trả nhà cung cấp khác	2.346.329.764	3.046.495.166
Cộng	14.643.156.432	4.805.898.096

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản công nợ phải trả người bán.

17/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp /bù trừ trong năm VND	Số đầu năm VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	1.457.921.744	1.457.921.744	-
Thuế thu nhập cá nhân	54.646.772	41.553.674	10.323.118	85.877.328
Cộng	54.646.772	1.499.475.418	1.468.244.862	85.877.328
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	405.339.868	6.134.371.996	6.073.978.819	344.946.691
Thuế tài nguyên	-	320.221.782	320.221.782	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.848.579.732	2.848.579.732	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	205.390.064	205.390.064	-
Các loại thuế khác	-	8.213.965	8.213.965	-
Cộng	405.339.868	9.516.777.539	9.456.384.362	344.946.691

12. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	846.029.167	729.733.755
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	10.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.043.277.599	1.957.168.510
Trong đó		
- Phải nộp thanh tra tỉnh Quảng Bình	634.853.000	634.853.000
- Lãi chậm trả tiền hàng	846.318.300	846.318.300
- Phải trả khác	562.106.299	475.997.210
Cộng	2.889.306.766	2.696.902.265
b) Dài hạn		
Ký quỹ ký cược	292.000.000	292.000.000
Cộng	292.000.000	292.000.000

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản công nợ phải trả khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNHTổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung,
huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

Mẫu số B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình (i)	23.210.109.624	23.210.109.624	33.152.818.003	33.796.523.843	23.853.815.464	23.853.815.464
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình (ii)	10.219.286.560	10.219.286.560	22.221.791.595	28.329.240.534	16.326.735.499	16.326.735.499
Vay cá nhân (iii)	5.435.000.000	5.435.000.000	2.765.000.000	3.840.000.000	6.510.000.000	6.510.000.000
Cộng vay ngắn hạn	38.864.396.184	38.864.396.184	58.139.609.598	65.965.764.377	46.690.550.963	46.690.550.963
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem TM số V.14)	363.549.427	363.549.427			1.066.602.400	1.066.602.400
Cộng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	39.227.945.611	39.227.945.611			47.757.153.363	47.757.153.363
Trong đó: Vay và nợ thuê tài chính là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.2 - Bên liên quan)	800.000.000	800.000.000			800.000.000	800.000.000

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng cho vay hạn mức số 862009731166/2024-HĐCVHM/NHCT470-VIETTRUNG ngày 18/07/2024. Tổng hạn mức được cấp là 25 tỷ đồng, thời hạn hạn mức đến ngày 18/07/2025. Thời hạn vay và lãi suất được quy định theo từng khế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay ngắn hạn và dài hạn được đảm bảo bằng thế chấp tài sản là toàn bộ nhà cửa vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất của Công ty, máy móc thiết bị chế biến mù cao su, vườn cây cao su trồng từ năm 2011 trở về trước.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2024/525381/HĐTD ngày 27/12/2024. Tổng hạn mức được cấp tối đa là 16.500.000.000 VND, thời hạn cấp 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất thả nổi. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay ngắn hạn và dài hạn được đảm bảo bằng thế chấp tài sản là máy móc thiết bị tại Chi nhánh gỗ Phú Quý của Công ty.
- (iii) Các khoản vay ngắn hạn cá nhân theo các hợp đồng cho vay có thời hạn từ 6 tháng đến 12 tháng lãi suất từ 7,9% đến 9%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, các khoản vay không có tài sản bảo đảm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình {i}	504.380.127	504.380.127	-	840.000.000	1.344.380.127	1.344.380.127
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Quảng Bình {ii}	53.110.300	53.110.300	-	226.602.400	279.712.700	279.712.700
Cộng Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	557.490.427	557.490.427	-	1.066.602.400	1.624.092.827	1.624.092.827
Vay dài hạn đến hạn trả	(363.549.427)	(363.549.427)			(1.066.602.400)	(1.066.602.400)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	(310.439.127)	(310.439.127)			(840.000.000)	(440.000.000)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Quảng Bình	(53.110.300)	(53.110.300)			(226.602.400)	(226.602.400)
Cộng	193.941.000	193.941.000			557.490.427	557.490.427

{i} Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình bao gồm các Hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số 805004607384/2021-HĐCVDADT/NHCT470-VIETTRUNG ngày 30/06/2021, số tiền cam kết cho vay không vượt quá 1.285.000.000 đồng, thời hạn giải ngân là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể, mục đích vay để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "Cải tạo nhà trụ sở và khuôn viên công ty".

Hợp đồng tín dụng số 800004607389/2021-HĐCVDADT/NHCT470-VIETTRUNG ngày 30/06/2021, số tiền cam kết cho vay không vượt quá 2.955.000.000 đồng, thời hạn giải ngân là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất được quy định trong từng giấy nhận nợ cụ thể, mục đích vay để đầu tư sửa chữa nâng cấp dây chuyền chế biến mù và trang bị máy nông nghiệp phục vụ cơ giới hóa ngành cao su.

{ii} Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình theo hợp đồng tín dụng số 09/2021/525381/HĐTD ngày 08/10/2021, số tiền cam kết cho vay tối đa 963.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 56 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất thả nổi, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,55%/năm. Mục đích vay để đầu tư máy móc thiết bị sản xuất gỗ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	363.549.427	1.066.602.400
Trong năm thứ hai	193.941.000	363.549.427
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	193.941.000
Cộng	557.490.427	1.624.092.827
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	363.549.427	1.066.602.400
Số phải trả sau 12 tháng	193.941.000	557.490.427

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	170.817.910.000	7.451.470.765	(12.091.052.856)	166.178.327.909
Lãi (Lỗ) trong năm	-	-	(43.310.646.507)	(43.310.646.507)
Số dư đầu năm nay	170.817.910.000	7.451.470.765	(55.401.699.363)	122.867.681.402
Lãi (Lỗ) trong năm	-	-	3.967.669.237	3.967.669.237
Số dư cuối năm nay	170.817.910.000	7.451.470.765	(51.434.030.126)	126.835.350.639

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình	10.581.461	10.581.461
Ông Lê Vũ Thành	3.239.230	3.239.230
Bà Nguyễn Thị Hải	1.000.000	1.000.000
Các cá nhân khác	2.261.100	2.261.100
Cộng	17.081.791	17.081.791

c) Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng kí phát hành	17.081.791	17.081.791
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.081.791	17.081.791
- Cổ phiếu phổ thông	17.081.791	17.081.791
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.081.791	17.081.791
- Cổ phiếu phổ thông	17.081.791	17.081.791

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	116.318.538.281	57.799.034.055
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.628.541.486	4.388.011.899
Doanh thu khác	1.048.312.088	310.532.333
Cộng	121.995.391.855	62.497.578.287

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	94.668.946.782	50.447.252.820
Giá vốn khác	525.611.846	23.781.668
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(710.889)	(2.816.652)
Cộng	95.193.847.739	50.468.217.836

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.438.038	13.376.718
Lãi thu từ trái phiếu	68.926.027	39.629.452
Cộng	75.364.065	53.006.170

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	3.611.924.358	4.579.294.008
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng đầu tư vào đơn vị khác	9.097.170.820	39.382.957.554
Cộng	12.709.095.178	43.962.251.562

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí mua ngoài	262.500.000	110.000.000
Chi phí bằng tiền khác	32.136.000	44.040.000
Cộng	294.636.000	154.040.000

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương và các khoản trích theo lương	6.500.048.246	6.440.024.489
Chi phí khấu hao	590.287.129	609.753.386
Chi phí đồ dùng văn phòng	243.763.789	307.262.966
Thuế phí và lệ phí	668.187.781	516.441.945
Hoàn nhập/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(52.532.450)	3.190.545.556
Chi phí mua ngoài	755.286.178	581.116.344
Chi phí bằng tiền khác	1.764.691.335	1.540.665.980
Cộng	10.469.732.008	13.185.810.666

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

7. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu tiền đền bù giải phóng mặt bằng	470.731.400	1.717.593.785
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	28.015.539	-
Thu nhập khác	86.824.111	564.620.490
Cộng	585.571.050	2.282.214.275

8. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phạt chậm nộp thuế, vi phạm hành chính	21.346.808	62.192.034
Các khoản khác	-	310.933.141
Cộng	21.346.808	373.125.175

9. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước (Sau điều chỉnh) VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.967.669.237	(43.310.646.507)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	3.967.669.237	(43.310.646.507)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	17.081.791	17.081.791
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	232	(2.535)

Trong năm 2023, Công ty không thực hiện kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào kết quả kinh doanh mà thực hiện vốn hóa vào "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (cụ thể tại thuyết minh VII.5). Năm 2024, Công ty thực hiện hồi tố sai sót nêu trên. Do đó, Công ty thực hiện hồi tố chỉ tiêu lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu để phản ánh đúng tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2023, cụ thể:

	Số báo cáo VND	Số điều chỉnh VND	Số sau điều chỉnh VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	(41.428.348.283)	(1.882.298.224)	(43.310.646.507)
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(41.428.348.283)	(1.882.298.224)	(43.310.646.507)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.081.791	-	17.081.791
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.425)		(2.535)

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	49.529.954.349	5.481.919.508
Chi phí nhân công	42.865.214.828	43.045.376.065
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.137.149.492	6.157.962.105
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.268.283.306	2.198.550.215
Chi phí khác bằng tiền	3.285.851.664	2.620.379.713
Cộng	113.086.453.639	59.504.187.606

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành bốn bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh cao su, Bộ phận kinh doanh gỗ, Bộ phận kinh doanh dăm và Bộ phận kinh doanh khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh như sau:

- Bộ phận kinh doanh cao su: Trồng, thu hoạch và sản xuất mủ cao su
- Bộ phận kinh doanh gỗ: Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ gỗ.
- Bộ phận kinh doanh Dăm: Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ gỗ dăm
- Bộ phận kinh doanh khác: Cho thuê đất và hạ độ cao, cải tạo mặt bằng.

Các thông tin bộ phận về lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024:

	Hoạt động kinh doanh Cao su	Hoạt động kinh doanh Gỗ	Hoạt động Kinh doanh Dăm gỗ	Hoạt động Kinh doanh khác	Loại trừ	Tổng cộng
	Số cuối năm VND	Số cuối năm VND	Số cuối năm VND	Số cuối năm VND	Số cuối năm VND	Số cuối năm VND
Tài sản						
Tài sản bộ phận	3.620.395.156	15.209.237.388	1.047.142.842	10.208.966.624	-	30.085.742.010
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	167.853.832.766	167.853.832.766
Tổng tài sản	3.620.395.156	15.209.237.388	1.047.142.842	10.208.966.624	167.853.832.766	197.939.574.776
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	13.279.781.681	1.600.653.151	-	-	-	14.880.434.832
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	55.543.789.305	55.543.789.305
Tổng nợ phải trả	13.279.781.681	1.600.653.151	-	-	55.543.789.305	70.424.224.137

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH
Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung,
huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

Mẫu số B 09-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2024

	Hoạt động kinh doanh Cao su	Hoạt động kinh doanh Gỗ	Hoạt động Kinh doanh Dầm gỗ	Hoạt động Kinh doanh khác	Loại trừ	Tổng cộng
	Số đầu năm VND	Số đầu năm VND	Số đầu năm VND	Số đầu năm VND	Số đầu năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản						
Tài sản bộ phận	2.382.371.016	14.698.280.635	-	9.899.029.658	-	26.979.681.309
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	165.907.077.173	165.907.077.173
Tổng tài sản	2.382.371.016	14.698.280.635	-	9.899.029.658	165.907.077.173	192.886.758.482
Nợ phải trả						
Nợ phải trả bộ phận	3.546.518.467	1.738.616.729	-	-	-	5.285.135.196
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	64.053.941.884	64.053.941.884
Tổng nợ phải trả	3.546.518.467	1.738.616.729	-	-	64.053.941.884	69.339.077.080

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH
 Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung,
 huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

Mẫu số B 09-DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024:

	Hoạt động	Hoạt động	Hoạt động	Hoạt động	Loại trừ	Tổng cộng
	kinh doanh Cao su	kinh doanh Gỗ	Kinh doanh Dăm gỗ	kinh doanh khác		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	69.038.040.000	19.809.716.788	27.470.781.493	5.676.853.574	-	121.995.391.855
Tổng Doanh thu	69.038.040.000	19.809.716.788	27.470.781.493	5.676.853.574	-	121.995.391.855
Khấu hao và chi phí phân bổ	58.732.020.741	19.332.810.423	27.422.715.254	1.154.391.328	(683.722.000)	105.958.215.747
Kết quả kinh doanh						
Kết quả kinh doanh bộ phận	10.306.019.259	476.906.365	48.066.239	4.522.462.246	683.722.000	16.037.176.108
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10.306.019.259	476.906.365	48.066.239	4.522.462.246	683.722.000	16.037.176.108
Doanh thu từ các khoản đầu tư						75.364.065
Lãi (lỗ) khác						564.224.242
Chi phí tài chính						(12.709.095.178)
Lợi nhuận trước thuế						3.967.669.237
Chi phí thuế TNDN						-
Lợi nhuận trong năm						3.967.669.237

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH
 Tổ dân phố 3, Thị trấn Nông trường Việt Trung,
 huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

Mẫu số B 09-DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (TIẾP THEO)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Hoạt động kinh doanh Cao su VND	Hoạt động kinh doanh Gỗ VND	Hoạt động Kinh doanh Dầm gỗ VND	Hoạt động kinh doanh khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu						
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	44.607.177.000	12.408.649.468	-	5.481.751.819	-	62.497.578.287
Tổng Doanh thu	44.607.177.000	12.408.649.468	-	5.481.751.819	-	62.497.578.287
Khấu hao và chi phí phân bổ	47.557.526.953	12.526.746.235	-	4.281.903.314	(558.108.000)	63.808.068.502
Kết quả kinh doanh						
Kết quả kinh doanh bộ phận	(2.950.349.953)	(118.096.767)	-	1.199.848.505	558.108.000	(1.310.490.215)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(2.950.349.953)	(118.096.767)	-	1.199.848.505	558.108.000	(1.310.490.215)
Doanh thu từ các khoản đầu tư						53.006.170
Lãi (lỗ) khác						1.909.089.100
Chi phí tài chính						(43.962.251.562)
Lợi nhuận trước thuế						(43.310.646.507)
Chi phí thuế TNDN						-
Lợi nhuận trong năm						(43.310.646.507)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động trên cùng một lãnh thổ Việt Nam, không có sự khác biệt về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo khu vực địa lý nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan

Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình
Công ty Cổ phần TAMICO

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty liên kết
Cổ đông lớn của Công ty (Ông Lê Vũ Thành) là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần TAMICO
Lãnh đạo chủ chốt

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng		
Công ty Cổ phần TAMICO	9.442.985.568	9.550.985.568
Vay và nợ thuê tài chính		
Ông Dương Chí Bình	800.000.000	800.000.000

Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, Trường Ban Kiểm soát:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Phan Văn Thành - Chủ tịch HĐQT	385.495.500	227.819.700
Ông Dương Chí Bình - Giám đốc, Thành viên HĐQT	341.774.900	202.420.300
Ông Phạm Xuân Thành - Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT	308.574.400	183.132.800
Ông Nguyễn Hải Thanh - Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT	308.574.400	183.132.800
Ông Phan Hữu Bằng - Kế toán trưởng, Thành viên HĐQT	308.574.400	183.132.800
Ông Lê Vũ Thành - Thành viên HĐQT	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Hải - Thành viên HĐQT	12.000.000	12.000.000
Bà Hoàng Thị Thu Hương - Trưởng ban kiểm soát	308.574.400	183.132.800
Cộng	1.985.568.000	1.186.771.200

3. CÁC CAM KẾT HOẠT ĐỘNG

Công ty ký 312 hợp đồng thuê đất trả tiền hằng năm trong đó:

- 1 (Một) hợp đồng thuê 40.133 m2 có thời hạn thuê từ ngày 21/03/2003 đến ngày 11/02/2033.
- 311 (Ba trăm mười một) hợp đồng thuê 22.065.435,8 m2 có thời hạn thuê từ ngày 29/12/2017 đến ngày 15/10/2043. Tổng diện tích đất thuê là 22.105.568,8 m2

4. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

5. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố do phát hiện sai sót như sau:

Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 do sai sót vốn hóa chi phí lương bộ phận văn phòng vào "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" với số tiền là 1.882.298.224 đồng. Ảnh hưởng điều chỉnh tới các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, như sau:

Khoản mục báo cáo tài chính	Ảnh hưởng của thay đổi
	Bảng cân đối kế toán tổng hợp ngày 31/12/2023
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (cao su trồng năm 2016) giảm đi	1.882.298.224
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay giảm đi	1.882.298.224
	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2023
Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng lên	1.882.298.224
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm đi	1.882.298.224

Số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp trước và sau điều chỉnh như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	31/12/2023 (Trước điều chỉnh)	Điều chỉnh hồi tố	01/01/2024 (Sau điều chỉnh)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	173.399.338.991	(1.882.298.224)	171.517.040.767
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	26.269.669.332	(1.882.298.224)	24.387.371.108
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	26.269.669.332	(1.882.298.224)	24.387.371.108
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	194.769.056.706	(1.882.298.224)	192.886.758.482
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	125.429.979.626	(1.882.298.224)	123.547.681.402
I. Vốn chủ sở hữu	410	124.749.979.626	(1.882.298.224)	122.867.681.402
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(53.519.401.139)	(1.882.298.224)	(55.401.699.363)
- LNST chưa phân phối lũy kế để cuối năm trước	421a	(12.091.052.856)	-	(12.091.052.856)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	(41.428.348.283)	(1.882.298.224)	(43.310.646.507)
TỔNG NGUỒN VỐN	440	194.769.056.706	(1.882.298.224)	192.886.758.482

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2023 (Trước điều chỉnh)	Điều chỉnh hồi tố	Năm 2023 (Sau điều chỉnh)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	11.303.512.442	1.882.298.224	13.185.810.666
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(43.337.437.383)	(1.882.298.224)	(45.219.735.607)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(41.428.348.283)	(1.882.298.224)	(43.310.646.507)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(41.428.348.283)	(1.882.298.224)	(43.310.646.507)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(2.425)	(110)	(2.535)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(2.425)	(110)	(2.535)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

5. SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP THEO)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2023 (Trước điều chỉnh)	Điều chỉnh hồi tố	Năm 2023 (Sau điều chỉnh)
1 Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(41.428.348.283)	(1.882.298.224)	(43.310.646.507)
2 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLĐ	08	12.241.712.838	(1.882.298.224)	10.359.414.614
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.936.642.126	(1.882.298.224)	1.054.343.902
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(4.960.841.585)	1.882.298.224	(3.078.543.361)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.908.736.654)	1.882.298.224	(3.026.438.430)



Phan Hữu Bằng
Người lập biểu



Phan Hữu Bằng
Kế toán trưởng



Phan Văn Thành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 30 tháng 03 năm 2025